

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOA LƯ  
TỈNH NINH BÌNH**

-----\*-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----\*\*\*-----

**NHÂN DANH**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 16 - 8 - 2021.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn.

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông Vũ Quang Chung .
- **Hội thẩm nhân dân:** ông Nguyễn Văn Khuyến và ông Phạm Đức Thọ.

**Thư ký Tòa án:** bà Giang Thị Mến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư tham gia phiên toà:** bà Vũ Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai, sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST - HNGĐ ngày 08/4/2021, về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX-ST ngày 20/7/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2021, giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** chị Lê Thị Hương G, sinh năm 2000.

ĐKHKT: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 4, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

**\*Bị đơn:** anh Bùi Quốc C, sinh năm 2000.

Trú tại: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

**\*Người làm chứng:** bà Bùi Thị L, sinh năm 1980

Địa chỉ: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị G; vắng mặt anh C, bà L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lê Thị Hương G trình bày:

Chị và anh Bùi Quốc C tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được sự đồng ý của hai bên gia đình, tổ chức lễ cưới từ cuối năm 2019. Sau khi cưới anh chị chung

sống tại thôn H, xã N cùng với gia đình anh C, đến ngày 29/6/2020, sau khi chị sinh con thì anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Thắng, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình theo quy định của pháp luật. Trong thời gian vợ chồng chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình anh chị không hợp nhau. Mặt khác, anh C mặc dù đã có vợ con nhưng anh lại không tu chí làm ăn để lo cho gia đình. Mọi chi phí sinh hoạt của gia đình anh chị đều lấy từ khoản tiền mừng cưới của vợ chồng trước đó, còn thiếu thì phải xin hỗ trợ từ mẹ anh C là bà L. Chị đã góp ý nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Vợ chồng trẻ kinh tế không có, bản thân chị mang thai rồi sinh con không thể đi làm, nhưng anh C cũng không có trách nhiệm gì với gia đình mà vẫn thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời. Chính vì vậy, vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng không cải thiện được. Đỉnh điểm là khoảng giữa tháng 7/2020, sau khi sinh con được một tháng vợ chồng chị mâu thuẫn cãi nhau căng thẳng, nên chị đã bế con bỏ về nhà mẹ đẻ ở xóm 4, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An sinh sống cho đến nay. Từ khi chị bế con về quê thì anh C và mẹ anh C cũng có vào nói chuyện với chị và gia đình chị một lần nhưng hai bên không có tiếng nói chung. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Cường, cuộc sống vợ chồng của anh chị không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Quốc C.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên cháu là Bùi Lê Gia H, sinh ngày 11/6/2020. Hiện nay cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Chị G không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Bùi Quốc C mặc dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu giao nộp và cung cấp chứng cứ cũng như giấy triệu tập của Tòa án yêu cầu anh C lên Tòa án để làm việc nhưng anh C không lên Tòa án làm việc và cũng không giao nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc và xác minh tại gia đình mẹ đẻ anh Bùi Quốc C là bà Bùi Thị L.

Tại biên các biên bản làm việc ngày 25/5/2021, ngày 30/6/2021 và biên bản xác minh ngày 25/5/2021, bà Bùi Thị L - mẹ đẻ của anh Bùi Quốc C cung cấp như sau: Anh Bùi Quốc Cg và chị Lê Thị Hương G là con trai và con dâu bà. Anh chị quen nhau khoảng những năm 2018-2019, sau đó đến cuối năm 2019, khi chị G mang thai khoảng 4 tháng, anh chị về ra mắt và xin cưới. Gia đình hai bên đồng ý và tổ chức cưới theo phong tục địa phương, sau khi cưới anh chị về chung sống cùng với bà ở thôn H, xã N, huyện H. Sau khi sinh con được một thời gian thì anh C, chị G mới đi đăng ký kết hôn. Mặc dù đã có gia đình nhưng do anh chị tuổi còn

trẻ nên chưa biết lo cho gia đình, chưa tu trí làm ăn. Chính vì vậy mà mọi chi phí sinh hoạt gia đình và của vợ chồng chị G, anh C cũng do một tay bà lo liệu. Khoảng giữa tháng 7/2020 chị G, anh C có cãi nhau vì việc anh C đòi đi chơi tối, chị G không cho đi nhưng anh C vẫn đi nên cùng đêm hôm đó chị G đã bế con về nhà ngoại sinh sống. Thời gian sau đó bà và anh C có vào nói chuyện và bảo chị G bế con về nhưng chị G không về. Thời gian gần đây chị G có thông báo cho anh C về việc chị G xin ly hôn, bà cũng có nói chuyện và khuyên anh chị nhưng chị G vẫn kiên quyết và nộp đơn xin ly hôn. Anh C đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, yêu cầu cung cấp chứng cứ cũng như các thông báo của Tòa án yêu cầu anh C lên Tòa án để làm việc nhưng tại sao anh C không lên Tòa án làm việc thì bà không biết. Bà cũng có hỏi ý kiến, quan điểm của anh C về việc chị G ly hôn và xin nuôi con nhưng anh C không nói gì. Anh C thường xuyên vắng nhà, nói là đi làm nhưng bà cũng không biết anh làm gì ở đâu, bà có hỏi thì lúc anh bảo làm chỗ nọ, lúc lại bảo làm chỗ kia nên bà cũng không biết chính xác là anh làm gì ở đâu. Việc chị G xin ly hôn anh C là do anh chị tuổi còn trẻ suy nghĩ còn nông nổi, không tu trí làm ăn nên việc mâu thuẫn mới xảy ra, bà cũng xác định việc anh Cg, chị G quay về sống với nhau là khó. Chị G, anh C có 01 con chung hiện đang do chị G nuôi dưỡng. Anh C, chị G không có tài sản, công nợ gì chung. Nay chị G xin ly hôn và xin nuôi con quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 19, Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 và 88 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hương G. Cho Ly hôn giữa chị Lê Thị Hương G và anh Bùi Quốc C.

Về con chung: Giao cháu Bùi Lê Gia H, sinh ngày 11/6/2020 cho chị Lê Thị Hương G tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về án phí: chị Lê Thị Hương G phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Hương G xin ly hôn anh Bùi Quốc C, địa chỉ: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với anh Bùi Quốc C, song anh C không lên Tòa án để làm việc, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Đồng thời, chị Lê Thị Hương G có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án xác định vụ án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Bùi Quốc C theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quốc C và chị Lê Thị Hương G kết hôn là do anh chị tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Thắng, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình ngày 29/6/2020, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị Lê Thị Hương G và anh Bùi Quốc C sau khi kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc không dài đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn một phần do anh chị tuổi còn trẻ chưa biết chăm lo cho gia đình, một phần là do kinh tế khó khăn. Vợ chồng trẻ công việc làm chưa có, chị Giang bản thân mang thai, sinh con không thể đi làm, không có thu nhập. Anh C không tu trí làm ăn, kinh tế phải nhờ vào mẹ đẻ anh C là bà Bùi Thị L hỗ trợ, chị G và gia đình góp ý thì anh C không tiếp thu. Chính vì vậy anh chị thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Tháng 7/2020, chị Giang đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An sinh sống cho đến nay, anh chị sống ly thân từ đó, không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau. Việc chị G, anh C sống chung không có hạnh phúc như chị G trình bày là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian để anh C, chị G có cơ hội gặp nhau hòa giải nhưng bản thân anh C không lên Tòa án để tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh C không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Việc anh C không lên Tòa án giải quyết chỉ nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Xét, mâu thuẫn giữa chị Lê Thị Hương G và anh Bùi Quốc C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hương G về việc xin ly hôn anh Bùi Quốc C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Bùi Lê Gia H, sinh ngày 11/6/2020, cháu H sinh trước ngày anh C, chị G đi đăng ký kết hôn (29/6/2020), chị G trình bày cháu H là con chung của chị và anh C, việc này được thể hiện trong giấy khai sinh của cháu và cháu có tên trong họ

khẩu của gia đình anh C, bà nội cháu là bà Bùi Thị L cũng thừa nhận. Đủ căn cứ xác định cháu Bùi Lê Gia H là con chung của chị Lê Thị Hương G và anh Bùi Quốc C. Hiện cháu H đang do chị Lê Thị Hương G nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị G đề nghị chị được tiếp tục nuôi con, chị đủ điều kiện để nuôi dạy cháu H trưởng thành, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Xét, đề nghị của chị G là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ chung: chị G xác định anh chị không có tài sản công nợ gì chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Chị Lê Thị Hương G phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo. Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 19, Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 và 88 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hương G.

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hương G và anh Bùi Quốc C.

**2. Về con chung:** Giao cháu Bùi Lê Gia H, sinh ngày 11/6/2020, cho chị Lê Thị Hương G tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị G.

Anh Bùi Quốc C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Lê Thị Hương G. Khi cần thiết chị G, anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3. Về tài sản, công nợ chung:** Chị G xác định không anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**4. Về án phí:** chị Lê Thị Hương G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002003 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư.

Án xử công khai, sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điểm 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- UBND xã Ninh Thắng;
- THADS huyện Hoa Lư;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký*

**Vũ Quang Chung.**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Đức thọ - Nguyễn Văn Khuyến**

**Vũ Quang Chung**